

Số: 647/BVKVHN-KD
V/v thông báo mời chào giá sinh phẩm,
hoá chất và vật tư y tế tiêu hao sử dụng
cho Bệnh viện ĐKKV Hồng Ngự
năm 2023

TP.Hồng Ngự, ngày 06 tháng 7 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sinh phẩm, hoá chất và vật tư y tế tiêu hao sử dụng cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự.

Địa chỉ: đường Trần Phú, khóm An Lợi, phường An Lộc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phạm Thành Dương, phó trưởng khoa Dược.
- Số điện thoại: 0932.981.448 hoặc 0977.090.579.
- Email: thanhduongdtvn@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: đường Trần Phú, khóm An Lợi, phường An Lộc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 07 tháng 7 năm 2023 đến trước 17 giờ ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục sinh phẩm, hoá chất và vật tư y tế tiêu hao.

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Băng bột bó xương (7,5cm x 2,7m) bột thạch cao < hoặc tương đương;	240	Cuộn
2	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Băng bột bó xương (10cm x 2,7m) bột thạch cao < hoặc tương đương;	400	Cuộn
3	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Băng bột bó xương (15cm x 2,7m) bột thạch cao < hoặc tương đương;	800	Cuộn
4	Ống, dây cho ăn các loại, các cỡ	Tubelevin số 16 dài 120cm - 125cm có nắp < hoặc tương đương;	160	Sợi
5	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Sonde Foley 01 nhánh số 16 < hoặc tương đương;	400	Cái
6	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Sonde Foley 02 nhánh số 08 < hoặc tương đương;	40	Cái
7	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Sonde Foley 02 nhánh số 16 < hoặc tương đương;	800	Cái
8	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Dây hút đàm nhớt số 08 có val < hoặc tương đương;	160	Cái
9	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Dây hút đàm nhớt số 16 có val < hoặc tương đương;	240	Cái
10	Dây dẫn, dây truyền khí các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, ống nối đi kèm)	Dây thở oxy 2 lỗ sơ sinh < hoặc tương đương;	80	Sợi
11	Dây dẫn, dây truyền khí các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, ống nối đi kèm)	Dây thở oxy 2 nhánh nhỏ < hoặc tương đương;	240	Sợi
12	Dây dẫn, dây truyền khí các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, ống nối đi kèm)	Dây thở oxy 2 nhánh lớn < hoặc tương đương;	2.400	Sợi
13	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Dây hút dịch phẫu thuật < hoặc tương đương;	800	Sợi
14	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)	Dây truyền dịch 20 giọt/ml < hoặc tương đương;	24.000	Sợi
15	Ca-nuyn (cannula) các loại, các cỡ	Airway các số < hoặc tương đương;	240	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
16	Ống ca-nuyn (cannula) mở khí quản các loại, các cỡ	Cannyl mở khí quản các số (có bóng chèn) < hoặc tương đương;	200	Cái
17	Kim gây tê, gây mê các loại, các cỡ	Kim gây tê tủy sống 25G x 3.1/2" < hoặc tương đương;	800	Cây
18	Kim gây tê, gây mê các loại, các cỡ	Kim gây tê tủy sống 27G x 3.1/2" < hoặc tương đương;	400	Cây
19	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn số 18G (02 cửa) < hoặc tương đương;	1.200	Cây
20	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn số 22G (02 cửa) < hoặc tương đương;	6.400	Cây
21	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn số 24G (02 cửa) < hoặc tương đương;	12.000	Cây
22	Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ	Kim tiêm số 26G x 1.1/2" < hoặc tương đương;	400	Cây
23	Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ	Kim nha ngắn < hoặc tương đương;	1.600	Cái
24	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim số 18G < hoặc tương đương	24.000	Cây
25	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	Ống tiêm Insulin 100UI/ml	168.000	Cái
26	Kim chích máu các loại, các cỡ	Lancet < hoặc tương đương;	14.400	Cây
27	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ống nghiệm thử ion đồ < Ống Heparin < hoặc tương đương;	19.200	Cái
28	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ống nghiệm citrate, chống đông 2ml < hoặc tương đương;	400	Cái
29	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ống nghiệm EDTA chống đông 2ml máu, nắp nhựa chống đông 2ml máu, có vạch thể tích chuẩn < hoặc tương đương;	19.200	Cái
30	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ống hematocrite có tráng heparin	4.000	Cái
31	Các loại dao, lưỡi dao sử dụng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Dao số 11	240	Cái
32	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các loại, các cỡ	Dao phẫu thuật nhãn khoa 15 độ. Lưỡi dao bằng thép không gỉ, cán bằng nhựa < hoặc tương đương;	480	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
33	Các loại dao, lưỡi dao sử dụng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Dao mổ mắt 2.8mm, 3.0mm, 3.2mm, gập góc <> Dao Clearcut 2.8, 3.0, 3.2 <> hoặc tương đương;	480	Cái
34	Chất nhuộm màu dùng trong phẫu thuật mắt các loại	Dung dịch nhuộm bao thủy tinh thể 0.06%, dung tích 1ml <> Tryblue <> hoặc tương đương	160	Lọ
35	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	Dịch nhầy Sodium Hyaluronate 2,0%: - Trọng lượng phân tử: 2,4 million daltons. - Độ nhớt: 40.000 - 60.000 mPa.s tại 25 độ C. - Độ thẩm thấu: 250 - 350 mOsmol/l. - Độ pH: 7,0 - 7,5. - Hộp 01 ống/1,0ml trong xilanh. - Dịch nhầy có tính bảo vệ nội mô cao. - Tiệt trùng.	960	Ống
36	Túi, lọ, cát-sét (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiết, dịch xả các loại, các cỡ	Cassette sử dụng phù hợp với hệ thống mổ mắt Phaco (Model: R-EVO smart-E) của hãng sản xuất: Optikon 2000 S.p.A <> hoặc tương đương;	96	Cái
37	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Mask túi dây thở khí dung (lớn, nhỏ) <> hoặc tương đương;	800	Cái
38	Bộ điều kinh	Bộ điều kinh Karman <> hoặc tương đương;	40	Bộ
39	Bộ dụng cụ thăm dò điện sinh lý tim (máy, điện cực, ...) các loại, các cỡ	Điện cực dán/miếng dán điện cực các loại	2.400	Cái
40	Găng cao su các loại, các cỡ	Găng tay kiểm tra size M <> hoặc tương đương;	72.000	Đôi
41	Giấy in monitor sản khoa 152x90-150P	Giấy in monitor sản khoa 152x90-150P	40	Xấp
42	Nón nam, nữ tiệt trùng	Nón nam, nữ tiệt trùng, gói/1 cái	8.000	Cái
43	Lưỡi lam	Lưỡi lam	640	Cái
44	Dây garo	Dây garo	240	Cái
45	Lắc đeo tay người lớn, trẻ em (màu hồng, màu xanh)	Lắc đeo tay người lớn, trẻ em (màu hồng, màu xanh) <> hoặc tương đương;	1.600	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
46	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi chứa nước tiểu 2 lít <> hoặc tương đương;	800	Cái
47	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Lọ đựng bệnh phẩm 55ml, có nắp <> hoặc tương đương;	4.000	Lọ
48	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Lọ phân có muỗng (không có F2AM) <> hoặc tương đương;	800	Lọ
49	Pylori test (mẫu thử bệnh phẩm)	Pylori test (mẫu thử bệnh phẩm) <> hoặc tương đương;	400	Test
50	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu Mission U500 <> hoặc tương đương;	4.000	Test
51	Môi trường cấy vi khuẩn	Chai cấy máu B.H.I 2 pha <> hoặc tương đương;	8	Chai
52	Than hoạt	Than hoạt	5	Kg
53	Formol 10%	Formol 10%	15	Lít
54	Test nhanh thử thai	Test nhanh thử thai <> hoặc tương đương;	500	Test
Tổng cộng: 54 khoản				

2. Địa điểm cung cấp: Kho khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự.

- Địa chỉ: đường Trần Phú, khóm An Lợi, phường An Lộc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: từng đợt theo dự trù của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: không.

5. Các thông tin khác: **mẫu báo giá vui lòng làm đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế.**

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin điện tử của Bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Trần Quang Vinh

